

DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH
HỆ TẬP TRUNG, A49 - B, KHÓA HỌC 2019

Thi phần II.1.2: Những vấn đề cơ bản về Đảng cộng sản và lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Ngày thi: 12 tháng 6 năm 2019

Thời gian làm bài: 180 phút;

Phòng thi số: 09

Sbd	Họ và Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
01	Phạm Long Anh	10/7/1978	02		3	75	Đạt 1 năm
02	Triệu Thị Bé	02/02/1992	02		5	80	Đạt
03	Nguyễn Thị Bình	22/12/1973	02		2	75	Đạt 1 năm
04	Nguyễn Cao Cường	03/12/1988	02		20	75	Đạt 1 năm
05	Nguyễn Thị Hà	11/12/1976	02		1	75	Đạt 1 năm
06	Trần Đức Hậu	15/3/1988	02		21	75	Đạt 1 năm
07	Nguyễn Thị Thanh Hoài	20/10/1989	02		14	80	Đạt
08	Phạm Quốc Hưng	31/8/1986	02		4	75	Đạt 1 năm
09	Đinh Thanh Hưng	07/5/1993	02		29	75	Đạt 1 năm
10	Phạm Thị Diễm Hương	30/8/1988	02		43	725	Đạt 1 hai năm
11	Trịnh Thị Thu Hương	22/02/1983	02		38	725	Đạt 1 hai năm
12	Nguyễn Thị Hương	03/9/1975	02		7	825	Đạt 1 hai năm
13	Đỗ Văn Huyện	03/3/1986	02		36	725	Đạt 1 hai năm
14	Y Tiếp Niê Kễn	11/12/1987	02		46	75	Đạt 1 năm
15	H Lệ Kriêng	06/9/1990	02		13	80	Đạt
16	Phạm Thị Liên	20/3/1975	02		24	75	Đạt 1 năm
17	Trần Đức Lộc	13/3/1990	02		28	75	Đạt 1 năm

Sbd	Họ và Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
18	Nguyễn Thị Ngọc Mai	12/02/1984	02		41	75	Bảy năm
19	Phan Thị Thanh Mai	11/02/1990	02		42	75	Bảy hai năm
20	Hoàng A Nam	15/10/1995	02	Nam	26	70	Bảy
21	Võ Hữu Nghĩa	05/3/1985	02		27	75	Bảy bảy năm
22	Mông Thị Nguyệt	12/8/1988	02		10	75	Bảy năm
23	Võ Văn Phát	08/08/1991	02		23	75	Bảy bảy năm
24	Nguyễn Nhật Phong	20/11/1992	02		30	75	Bảy hai năm
25	Lê Hữu Phương	13/02/1992	02		12	75	Bảy năm
26	Lê Viết Ngọc Phương	15/7/1987	02		33	75	Bảy năm
27	Đinh Hữu Quốc	04/5/1995	02		31	75	Bảy năm
28	Dương Văn Quý	13/5/1987	02	Quý	45	75	Bảy hai năm
29	Nguyễn Thị Hồng Quý	20/3/1983	02		9	75	Bảy năm
30	Triệu Văn Sơn	01/02/1994	Không đủ điều kiện dự thi (vắng học 36 tiết)				
31	Trịnh Văn Tài	12/02/1989	02		47	75	Bảy hai năm
32	Trần Kim Thắng	06/4/1995	02		18	75	Bảy năm
33	Nguyễn Đắc Thắng	17/7/1990	02		15	75	Bảy bảy năm
34	Nguyễn Đình Thắng	05/5/1980	03		48	75	Bảy hai năm
35	Nguyễn Văn Thọ	30/01/1990	02		32	75	Bảy hai năm
36	Nguyễn Thị Minh Thư	11/8/1989	02		16	75	Bảy năm
37	Nguyễn Công Thúc	10/5/1979	02		22	85	Tám hai năm
38	Bùi Thị Bích Thủy	27/02/1989	02		44	75	Bảy hai năm
39	Phạm Thị Thủy	05/4/1990	03		11	85	Tám hai năm
40	Phạm Ngọc Tiến	03/10/1979	02		40	70	Bảy

Sbd	Họ và Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
41	Võ Nhật Tiến	01/01/1990	02		39	70	baý
42	Tổng Thanh Toàn	03/5/1991	02		19	75	baý, 1 năm
43	Trần Thị Thùy Trang	06/4/1980	02		6	775	baý, baý năm
44	Hoàng Văn Truyền	01/01/1990	02		25	75	baý, năm
45	Lê Anh Tuấn	13/05/1991	02		35	70	baý
46	Trần Thanh Tùng	11/8/1990	02		34	75	baý, năm
47	Nguyễn Võ Vĩnh	01/10/1970	02		37	725	baý, hai năm
48	Nguyễn Lê Anh Vũ	20/4/1991	02		17	775	baý, baý năm
49	Phạm Ngọc Thăng Xuân	07/8/1989	02		8	725	baý, hai năm
50	Y Đức Za	06/10/1975	02		49	725	baý, hai năm

Tổng số: ...100...tờ /49... bài

GIÁM THỊ 1

Nguyễn Văn Cường

Ngày...01...tháng...8...năm 2019

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

GIÁM THỊ 2

Nguyễn Thị Văn Lâm

Ngày...10...tháng...7...năm 2019

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

BAN GIÁM HIỆU

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Dương

Ngô Hoài Thu

Đoàn Thị Mai

Lương Hữu Nam